

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ HỤI

Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Bến Tre đã xảy ra nhiều trường hợp vỡ hụi gây thiệt hại về tài sản của nhiều cá nhân và gia đình, nhất là người dân ở khu vực nông thôn. Một số vụ vỡ hụi có rất nhiều người tham gia, khi vỡ hụi thì hụi viên tố cáo chủ hụi chiếm đoạt số tiền lớn, nhiều người bức xúc đã gửi đơn thư khiếu kiện nhiều nơi, vượt cấp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Theo số liệu thống kê, từ đầu năm 2014 đến nay trên địa bàn tỉnh Bến Tre đã xảy ra 64 vụ vỡ hụi, có khoảng 2.676 hụi viên tham gia chơi hụi, tổng số tiền mà các hụi viên tố cáo chủ hụi chiếm đoạt là khoảng 164,6 tỷ đồng. Cụ thể là huyện Mỏ Cày Nam 05 vụ, huyện Thạnh Phú 06 vụ, huyện Mỏ Cày Bắc 10 vụ, thành phố Bến Tre 09 vụ, huyện Ba Tri 02 vụ, huyện Châu Thành 05 vụ, huyện Giồng Trôm 21 vụ, huyện Bình Đại 06 vụ; trong đó có nhiều vụ vỡ hụi mà hụi viên tố cáo chủ hụi chiếm đoạt số tiền lớn lên đến nhiều tỷ đồng. Thực tế các hình thức chơi hụi hiện nay còn nhiều sơ hở, dẫn đến khi vỡ hụi thì các cơ quan pháp luật gặp khó khăn trong công tác xử lý. Cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, việc chơi hụi thường diễn ra trong thời gian dài, có trường hợp kéo dài nhiều năm. Chủ hụi lập ra rất nhiều dây hụi với nhiều hình thức chơi hụi khác nhau. Một dây hụi có nhiều hụi viên tham gia, một hụi viên tham gia nhiều dây hụi. Tuy nhiên, do tin tưởng nên chỉ thỏa thuận chủ yếu bằng lời nói mà không ghi chép, đối chiếu, xác nhận rõ ràng. Đến khi vỡ hụi thì hụi viên chỉ cho biết số tiền đã bị chủ hụi chiếm đoạt nhưng không có giấy tờ, sổ sách gì có giá trị để chứng minh.

- *Thứ hai*, thông thường khi thành lập các dây hụi, hụi hụi thì chủ hụi có ghi trong sổ nhưng là do chủ hụi tự ghi, tự viết, nhiều trường hợp có tẩy xóa, không người làm chứng, không có xác nhận của hụi viên khi tham gia dây hụi hoặc khi hụi hụi trong các tài liệu này. Đối với hụi viên thì không có lập sổ hoặc có sổ riêng nhưng cũng do tự ghi, không có sự đối chiếu hay xác nhận giữa chủ hụi và hụi viên. Do đó, khi xảy ra vỡ hụi thì việc đối chiếu số liệu, số tiền hụi giữa chủ hụi và hụi viên của từng dây hụi gặp rất nhiều khó khăn, nhiều trường hợp không làm rõ được số liệu từng dây hụi, không thống nhất được số liệu và số tiền giữa chủ hụi và hụi viên, không có tài liệu nào khác chứng minh sổ sách của chủ hụi ghi hoặc do hụi viên ghi là đúng.

- *Thứ ba*, một số hội viên có nhu cầu hốt hội trước nên thường bỏ hội với số tiền lớn để được quyền hốt hội, sau đó sử dụng hết số tiền đã hốt hội nên khi đến kỳ đóng tiền hội thì không có tiền để tiếp tục đóng. Điều này dẫn đến việc chậm trễ đóng hội hoặc không đóng tiền hội cho chủ hội, chủ hội phải lấy tiền của phần hội hoặc dây hội khác để bù vào đưa cho người hốt hội. Việc này diễn ra thời gian dài nhưng các hội viên tham gia chơi hội cũng không biết.

- *Thứ tư*, khi xảy ra vỡ hội, các cơ quan pháp luật phải căn cứ vào sổ sách để đối chiếu, làm rõ số tiền từng dây hội để làm cơ sở giải quyết nên phải mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, các hội viên thường gây áp lực để yêu cầu phải xử lý hình sự đối với chủ hội dẫn đến chủ hội phải rời khỏi địa phương, gây khó khăn cho cơ quan xử lý.

Từ thực trạng nêu trên, để tránh trường hợp xảy ra các vụ vỡ hội, đồng thời có cơ sở để chứng minh khi yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đề nghị những người tham gia chơi hội cần lưu ý một số nội dung như sau:

- *Một là*, khi tham gia các hình thức chơi hội, từng hội viên phải thường xuyên theo dõi, quản lý phần hội, dây hội mà mình tham gia, nhất là sổ sách do chủ hội quản lý; khi xác định rõ những người tham gia trong dây hội thì mới tham gia; khi đến kỳ hốt hội, tất cả các hội viên phải có mặt để xác nhận.

- *Hai là*, việc chơi hội giữa chủ hội và hội viên phải được ghi chép vào sổ sách và quản lý rõ ràng, thường xuyên đối chiếu giữa chủ hội và hội viên, trường hợp có tẩy xóa, ghi chép lại thì phải làm rõ và cùng xác nhận, khi có hội viên hốt hội thì sổ sách phải ghi chép lại có xác nhận của tất cả các hội viên tham gia; khi giao nhận tiền giữa chủ hội và hội viên thì phải ghi rõ thời gian, số tiền và những người giao nhận tiền; kịp thời báo với chính quyền địa phương những trường hợp chủ hội có dấu hiệu quản lý hội không rõ ràng.

- *Ba là*, trường hợp xảy ra vỡ hội, những người tham gia chơi hội phải kịp thời trình báo chính quyền địa phương và phối hợp với các cơ quan pháp luật để giải quyết, không được tùy tiện đến nơi ở của chủ hội để gây áp lực, lấy tài sản dẫn đến vi phạm pháp luật, gây khó khăn cho cơ quan xử lý.

- *Bốn là*, khi chơi hội cần phải hiểu và tuân thủ đúng những quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Hội là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hội và quyền, nghĩa vụ của các thành viên; việc tổ

chức hội nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật; trường hợp việc tổ chức hội có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định của Bộ luật Dân sự; nghiêm cấm việc tổ chức hội dưới hình thức cho vay nặng lãi (Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Theo quy định tại Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường (sau đây viết Nghị định 144) thì hội có hai loại là hội không có lãi và hội có lãi, hội có lãi gồm hai loại là hội đầu thảo và hội hưởng hoa hồng.

Hội không có lãi: Là hội mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia hội, thành viên được lĩnh hội nhận các phần hội khi đến kỳ mở hội và không phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh hội có nghĩa vụ tiếp tục góp hội để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hội. Thứ tự lĩnh hội trong hội không có lãi được xác định bằng hình thức bốc thăm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Hội có lãi: Là hội mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia hội, thành viên được lĩnh hội nhận các phần hội khi đến kỳ mở hội và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh hội có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần hội để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hội.

Hội có lãi gồm hai loại là hội đầu thảo và hội hưởng hoa hồng.

Hội đầu thảo: Là hội mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia hội, chủ hội được lĩnh toàn bộ các phần hội trong một kỳ mở hội và không phải trả lãi cho các thành viên khác. Trong các kỳ mở hội khác, thành viên trả lãi cao nhất được lĩnh hội và phải trả lãi cho các thành viên khác.

Hội hưởng hoa hồng: Là hội mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia hội, chủ hội có trách nhiệm thu phần hội của các thành viên góp hội để giao cho thành viên được lĩnh hội. Thành viên được lĩnh hội phải trả lãi cho các thành viên khác và phải trả một khoản hoa hồng cho chủ hội. Mức hoa hồng do những người tham gia hội thỏa thuận.

Xác định thành viên lĩnh hội trong hội có lãi: Thành viên lĩnh hội trong từng kỳ mở hội là người trả lãi cao nhất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong một kỳ mở hội mà có nhiều thành viên cùng trả một mức lãi và mức lãi đó là mức lãi cao nhất thì những người này bốc thăm để xác định thành viên được lĩnh hội, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Thành viên đã lĩnh hội không được tham gia trả lãi trong các kỳ mở hội tiếp theo, trừ trường hợp thành viên có nhiều phần hội trong một hội thì thành viên này

có quyền trả lãi cho đến khi có số lần lĩnh hội tương ứng với số phần hội mà thành viên đó tham gia trong một hội.

Hình thức thỏa thuận về hội: Việc thỏa thuận về hội được thể hiện bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Văn bản thỏa thuận về hội được công chứng, chứng thực nếu những người tham gia hội có yêu cầu (Điều 7 Nghị định 144)

Nội dung thỏa thuận về hội: Tùy theo từng loại hội, những người tham gia hội có thể thỏa thuận về các nội dung sau đây: Chủ hội, số người tham gia, phần hội, kỳ mở hội, thể thức góp hội và lĩnh hội, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia hội, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, việc chuyển giao phần hội, việc ra khỏi hội, chấm dứt hội và các nội dung khác (Điều 8 Nghị định 144)

Sổ hội: chủ hội phải lập và giữ sổ hội. Trong trường hợp hội không có chủ hội thì những người tham gia hội ủy quyền cho một thành viên lập và giữ sổ hội. Tùy theo từng loại hội, sổ hội có thể bao gồm các nội dung sau: Tên, địa chỉ của chủ hội và các thành viên trong hội; phần hội, kỳ mở hội, thể thức góp hội và lĩnh hội; số tiền, tài sản khác đã góp hội hoặc đã lĩnh hội; việc chuyển giao phần hội; việc ra khỏi hội và chấm dứt hội; chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp hội và lĩnh hội; các nội dung khác liên quan đến hoạt động của hội.

Giải quyết tranh chấp về hội: Trong trường hợp có tranh chấp về hội hoặc phát sinh từ hội thì tranh chấp đó được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải hoặc theo yêu cầu của một hoặc nhiều người tham gia hội, tranh chấp đó được giải quyết tại Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (Điều 31 Nghị định 144)

Xử lý vi phạm: Chủ hội và người tham gia hội tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

- *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:* được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

- *Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*: được quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ VAY TÀI SẢN

Thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh nổi lên vấn đề cho vay nặng lãi hay còn gọi là tín dụng đen. Chúng ta không khó để tìm thấy các mẫu quảng cáo, giới thiệu được treo dán trên các trụ điện, hàng rào, cây cối dọc theo các tuyến đường từ thành thị đến nông thôn về việc cho vay không cần thế chấp, thủ tục nhanh gọn, lãi suất thấp... Nhiều gia đình, cá nhân vì muốn có khoản tiền nhanh chóng hoặc không có điều kiện để vay vốn ở những tổ chức tín dụng chính thức, các chương trình hỗ trợ tín dụng của các đoàn, hội, vì vậy họ đã chọn việc vay tiền qua hình thức nêu trên.

Thực tế, việc vay tiền của người dân từ những cá nhân, tổ chức này không hoàn toàn giống như những gì họ quảng cáo. Thường người vay phải trả một khoản lãi suất cao cho số tiền vay, thậm chí cao hơn rất nhiều lần so với lãi suất cho vay của các ngân hàng. Nếu đến thời hạn trả nợ mà người dân không thể trả được thì có khả năng bị bọn “xã hội đen” đến uy hiếp, đe dọa, thậm chí chúng sẵn sàng dùng vũ lực để buộc người vay phải trả tiền. Trong trường hợp không trả được, chúng bày ra những việc như phải ký hợp đồng bán nhà, đất hoặc bất kỳ tài sản nào có giá trị khác. Và từ đó, nhiều người lúc đầu chỉ vay một khoản tiền nhỏ nhưng do lãi chồng lãi, họ không có khả năng để trả và kết quả là “tán gia bại sản” khi bọn cho vay nặng lãi tìm cách để lấy nhà cửa, đất đai, tài sản để khẩn trừ nợ.

Sau đây là một số trường hợp cụ thể, thực tế đã xảy ra mà lực lượng công an đã, đang điều tra, xử lý:

* *Vụ thứ nhất:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987, đăng ký thường trú tại xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có vay tiền của bà Đặng Thị H, sinh năm 1972, ngụ cùng ấp nhưng không có khả năng chi trả. Sau đó, bà H dẫn theo năm đối tượng đến nhà chị Q đe dọa và yêu cầu chị Q phải trả đủ số tiền nợ. Đến ngày 03/3/2018, qua quan sát trên hệ thống camera, chị Q thấy nhóm thanh niên này tiếp tục đến nhà mình để đòi nợ nên chị Q đã đến nhà mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966 ở gần đó để trốn tránh. Ngay sau đó, nhóm thanh niên nói trên tiếp tục đến nhà bà D để tìm gặp chị Q nhằm mục đích đòi nợ. Nhóm thanh niên này yêu cầu bà D phải làm giấy lãnh nợ cho chị Q nhưng bà D không đồng ý, do đó nhóm thanh niên này đập phá tài sản và đánh đập bà D gây thương tích phải điều trị tại Bệnh viện huyện Thạnh Phú. Hiện Công an tỉnh Bến Tre đang phối hợp với Công an huyện Thạnh Phú xác minh, làm rõ.

* *Vụ thứ hai:* Khoảng tháng 7/2017, chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1979, ĐKTT: xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre có vay của Nguyễn Hoài Đ, sinh năm 1985, ĐKTT: xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), chị N hứa sẽ trả trong ngày và lãi suất sẽ tính sau. Đến tháng 9/2017, chị N trả cho Đ 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và còn nợ lại Đ 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Tuy nhiên, chị N không trả đủ số tiền trên cho Đ như thỏa thuận lúc trước mà bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 04/12/2017, Nguyễn Hoài Đ phát hiện chị N tại một chòi lá ở xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên Đ rủ Nguyễn Hoài B, sinh năm 1986 và Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991, cùng ĐKTT: xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và một người tên L (là bạn của Đ) đi tìm chị N để đòi nợ. Khi nhóm người của Đ đến nơi thì chị N bỏ chạy ra sau chòi lá nên Đ đuổi theo và dùng mũ bảo hiểm đánh vào vùng đầu của chị N, còn B thì dùng tay đánh vào mặt chị N, sau đó những người này đưa chị N vào bên trong chòi lá và yêu cầu chị N trả nợ. Đ yêu cầu chị N về nhà của B tại xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để viết giấy nợ, lúc đầu chị N không đồng ý mà muốn về nhà của mình tại xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc nhưng sau đó chị N đã đồng ý theo Đ về nhà của B vì sợ mẹ ruột biết việc mình vay tiền. Tại nhà của B, Đ viết giấy nợ nội dung chị N thiếu nợ Đ số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và buộc chị N ký tên vào giấy nhận nợ, đồng thời Đ đưa ra điều kiện: nếu trong thời gian một tháng mà chị N không mang đủ số tiền đến trả thì Đ sẽ lấy chiếc xe mô tô hiệu VISON của chị N. Sau đó, nhóm của Đ giữ chiếc xe mô tô trên và cho chị N về.

Công an huyện Chợ Lách đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng có liên quan.

* *Vụ thứ ba:* Khoảng đầu tháng 3/2018, anh Đoàn Văn T, sinh năm 1983, ĐKTT: xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre có vay của Lê Trung H, sinh năm 1990, ĐKTT: số 37, ngõ 100, Kim Nguru, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng), điều kiện phải trả góp trong vòng 42 (bốn mươi hai) ngày, mỗi ngày anh T phải trả cho H số tiền là 900.000đ (chín trăm ngàn đồng). Hiện tại, anh T còn nợ H số tiền 5.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng) nhưng không có khả năng trả tiếp. Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02/4/2018, Lê Trung H đi cùng với một nhóm thanh niên đến nhà anh T nhằm mục đích đòi nợ. Do không tìm gặp anh T nên H

đã ném chất bẩn (cá thối) vào bên trong nhà của anh T. Sau đó, người nhà của anh T điện báo lực lượng Cảnh sát phản ứng nhanh (113), các đối tượng bị tạm giữ và bàn giao lại Công an xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Qua làm việc, các đối tượng trên đã khai nhận toàn bộ hành vi, Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đang củng cố hồ sơ xử lý.

Từ thực trạng nêu trên, khuyến cáo người dân khi có nhu cầu về vốn thì nên liên hệ ở những tổ chức tín dụng được pháp luật thừa nhận như các ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, chương trình hỗ trợ tín dụng thông qua các tổ chức đoàn, hội... Trong trường hợp vay bên ngoài của các cá nhân và tổ chức thì cần tìm hiểu kỹ và tuân thủ những quy định của pháp luật để có thể bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của mình. Khi bên cho vay có những hành vi vi phạm pháp luật như đe dọa, hành hung, lấy tài sản để trừ nợ... thì người dân cần báo ngay với lực lượng công an hoặc chính quyền gần nhất để kịp thời hỗ trợ, xử lý.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, **hợp đồng vay tài sản** là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn nêu trên (10%/năm của khoản tiền vay) tại thời điểm trả nợ.

Ngoài ra, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 còn quy định cụ thể về **nghĩa vụ trả nợ** của bên vay. Theo đó, trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả, trường hợp chậm

trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Về xử lý hành vi vi phạm thì tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như sau:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.